Chi tiết mã HS 8424.49.20

Mã HS	8424.49.20
Mô tả hàng hóa	Thiết bị cơ khí (hoạt động bằng tay hoặc không) để phun bắn, phun rải hoặc phun áp lực các chất lỏng hoặc chất bột; bình dập lửa, đã hoặc chưa nạp; súng phun và các thiết bị tương tự; máy phun bắn hơi nước hoặc cát và các loại máy phun bắn tia tương tự / - Thiết bị phun dùng trong nông nghiệp hoặc làm vườn: / - - Loại khác: / - - - Không hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	07/11/2026 23:34:41
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84244920/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13563
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13563
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13563
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-ID)	0% (trừ ID)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-ID, LA)	0% (trừ ID, LA)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12859
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12800
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12800
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12800
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12800
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12800
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12800
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12854
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12854
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12854
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12854

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12854
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12854
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12855
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12855
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12855
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12855
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12855
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12855
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12858
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12806
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12814
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12814
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12814
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12814
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12814
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12814
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12845
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12845
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12845
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12845
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12845
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12845
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12894
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12894
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12894
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12894

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12894
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12894
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12877
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12877
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12877
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12877
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12877
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12877
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12877
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12877
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12877
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12877
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12877
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12877
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D12892
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E12892
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F12892
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12892
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12892
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12892
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D12891
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E12891
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F12891
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12891
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12891
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12891

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12871
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12871
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12871
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12871
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12871
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12871
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12871
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12879
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12879
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12879
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12879
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12879
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12879
RCEP B	2022	2022	0	B!D12879
RCEP B	2023	2023	0	B!E12879
RCEP B	2024	2024	0	B!F12879
RCEP B	2025	2025	0	B!G12879
RCEP B	2026	2026	0	B!H12879
RCEP B	2027	2027	0	B!I12879
RCEP C	2022	2022	0	C!D12879
RCEP C	2023	2023	0	C!E12879
RCEP C	2024	2024	0	C!F12879
RCEP C	2025	2025	0	C!G12879
RCEP C	2026	2026	0	C!H12879
RCEP C	2027	2027	0	C!I12879
RCEP D	2022	2022	0	D!D12878

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E12878
RCEP D	2024	2024	0	D!F12878
RCEP D	2025	2025	0	D!G12878
RCEP D	2026	2026	0	D!H12878
RCEP D	2027	2027	0	D!I12878
RCEP E	2022	2022	0	E!D12882
RCEP E	2023	2023	0	E!E12882
RCEP E	2024	2024	0	E!F12882
RCEP E	2025	2025	0	E!G12882
RCEP E	2026	2026	0	E!H12882
RCEP E	2027	2027	0	E!I12882
RCEP F	2022	2022	0	F!D12879
RCEP F	2023	2023	0	F!E12879
RCEP F	2024	2024	0	F!F12879
RCEP F	2025	2025	0	F!G12879
RCEP F	2026	2026	0	F!H12879
RCEP F	2027	2027	0	F!I12879
VIFTA	2024	2024	0	VI!F11941
VIFTA	2025	2025	0	VI!G11941
VIFTA	2026	2026	0	VI!H11941
VIFTA	2027	2027	0	VI!I11941

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8424.49 có 2 dòng thuế; dòng 8424.49.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Không hoạt động bằng điện.	8424.49.10 Hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8424.49.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8424.49.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13563), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.